



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THÀNH CÔNG
(Sửa đổi lần 7)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	5
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Định nghĩa	5
Điều 2. Hình thức, tên gọi, trụ sở Công ty, cơ cấu tổ chức, tỷ lệ sở hữu nước ngoài và thời gian hoạt động	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	8
CHƯƠNG II	9
MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY	9
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh	9
Điều 5. Mục tiêu hoạt động	9
Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán	9
Điều 7. Quyền hạn của Công ty	10
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty	10
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế	13
Điều 10. Các quy định về kiểm soát nội bộ	15
Điều 11. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp	15
CHƯƠNG III	15
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY	15
Điều 12. Vốn điều lệ.....	15
Điều 13. Cách thức tăng, giảm Vốn điều lệ	15
Điều 14. Cổ đông sáng lập của Công ty.....	16
Điều 15. Hạn chế đối với quyền cổ đông sáng lập và Cổ đông của Công ty.....	16
Điều 16. Cơ cấu góp vốn.....	16
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông	16
Điều 18. Cổ phiếu, Cổ phần, phát hành Cổ phiếu của Công ty	21
Điều 19. Chào bán và chuyển nhượng Cổ phần.....	21
Điều 20. Mua lại phần cổ phần	22
Điều 21. Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại	23
Điều 22. Phát hành Trái phiếu.....	23

Điều 23. Sổ đăng ký cổ đông	23
Điều 24. Chứng chỉ cổ phiếu.....	24
CHƯƠNG IV	24
QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	24
Điều 25. Bộ máy quản trị điều hành Công ty.....	24
Điều 26. Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 27. Hội đồng quản trị.....	33
Điều 28. Tổng Giám đốc	44
Điều 29. Ban Kiểm soát	48
CHƯƠNG V	52
THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	52
Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Hội đồng quản trị.....	52
Điều 31. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	52
Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	53
CHƯƠNG VI	53
XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN	53
Điều 33. Các tranh chấp có thể xảy ra	53
Điều 34. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp.....	53
Điều 35. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan	54
Điều 36. Bỏ phiếu biểu quyết thực hiện hợp đồng giao dịch với bên liên quan.....	55
CHƯƠNG VII.....	55
NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	55
Điều 37. Năm tài chính	55
Điều 38. Hệ thống kế toán.....	55
Điều 39. Kiểm toán	55
Điều 40. Chế độ báo cáo và công bố thông tin	56
CHƯƠNG VIII	57
NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ	57

Điều 41. Điều khoản chia lợi nhuận.....	57
Điều 42. Xử lý lỗ trong kinh doanh	57
Điều 43. Trích lập các Quỹ theo quy định	57
CHƯƠNG IX	58
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY	58
Điều 44. Tổ chức lại Công ty	58
Điều 45. Giải thể và thanh lý.....	58
Điều 46. Phá sản.....	58
CHƯƠNG X.....	59
THỂ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	59
Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	59
CHƯƠNG XI	59
NGÀY HIỆU LỰC	59
Điều 48. Ngày hiệu lực.....	59
PHỤ LỤC 1:	61
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG	61

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - 1.1. “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
 - 1.2. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty.
 - 1.3. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010.
 - 1.4. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - 1.5. “Điều khoản” có nghĩa là một Điều khoản của Điều lệ này.
 - 1.6. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - 1.7. “Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015.
 - 1.8. “Người quản lý Công ty” là Chủ tịch và thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính của Công ty, Giám đốc chi nhánh và Trưởng các Bộ phận của Công ty.

- 1.9. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
- 1.10. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- 1.11. “Cổ phần ưu đãi biểu quyết” là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số cổ phần phổ thông.
- 1.12. “Cổ đông phổ thông” là Cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông.
- 1.13. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.14. “UBCKNN” được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 1.15. “Cổ đông” là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công ty.
- 1.16. “Cổ đông sáng lập” là Cổ đông tham gia thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của Công ty.
- 1.17. “Cổ phần” là các phần vốn góp có giá trị ngang nhau tạo thành Vốn điều lệ của Công ty.
- 1.18. “Cổ phiếu” là chứng chỉ góp vốn do Công ty phát hành hay bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- 1.19. “Trái phiếu” là hình thức nhận nợ của Công ty đối với chủ nợ do Công ty phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ hoặc các hình thức khác theo quy định hiện hành của Pháp luật, xác nhận nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Công ty đối với người sở hữu Trái phiếu.
- 1.20. “Cổ tức” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ Điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của Điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Hình thức, tên gọi, trụ sở Công ty, cơ cấu tổ chức, tỷ lệ sở hữu nước ngoài và thời gian hoạt động

1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công thuộc hình thức Công ty cổ phần được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán, có tư cách pháp nhân, phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
2. Tên Công ty

- 2.1. Tên giao dịch chính thức: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công**
 - 2.2. Tên giao dịch tiếng Anh: ThanhCong Securities Company
 - 2.3. Tên giao dịch viết tắt: **TCSC**
 - 2.4. Căn cứ vào định hướng hoạt động kinh doanh, tên Công ty có thể được thay đổi theo quyết định của Hội đồng quản trị và thực hiện các thủ tục về việc thay đổi tên Công ty theo quy định của Pháp luật.
3. Trụ sở Công ty:
- 3.1. Trụ sở của Công ty:
Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (028) 38 270527 Fax: (028) 38 218010
Website: <http://www.tcsc.vn>
 - 3.2. Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh tế, Công ty có thể thay đổi trụ sở theo quyết định của Hội đồng quản trị và thực hiện các thủ tục về việc thay đổi trụ sở Công ty theo quy định của Pháp luật.
4. Cơ cấu tổ chức
- 4.1. Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được UBCKNN chấp thuận;
 - 4.2. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
 - 4.3. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận.
 - 4.4. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện được mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.
5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài
- Trừ khi có quy định khác của pháp luật, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế.
6. Thời hạn hoạt động

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 44 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Nếu Tổng giám đốc không đáp ứng yêu cầu theo khoản 4 Điều 28 của Điều lệ, Hội đồng quản trị phải được triệu tập ngay để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới và thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc bổ nhiệm theo đúng yêu cầu của luật định.
2. Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật
 - 2.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - 2.2. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại mục 2.1 khoản này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm người khác vào chức danh của Người đại diện theo pháp luật.
 - 2.3. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Trường hợp Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty, nếu Tổng Giám đốc bị tạm giữ, tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án tước quyền hành nghề hoặc sau khi miễn nhiệm mà Công ty chưa bổ nhiệm được Tổng Giám đốc mới thì đương nhiên Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi Hội đồng quản trị bổ nhiệm được người khác vào chức danh trên.

CHƯƠNG II.

MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:
 - Môi giới chứng khoán.
 - Tự doanh chứng khoán.
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các Cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày một lớn mạnh.
2. Công ty có thể có các mục tiêu khác trong quá trình hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được chấp thuận.

Điều 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán

1. Tuân thủ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các qui định pháp luật khác.
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.
3. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng.
4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất.

5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật và ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
6. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng.
7. Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng.
8. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
9. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
10. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền hạn của Công ty

1. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính; tự doanh chứng khoán; và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
2. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định.
3. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của Pháp luật.
4. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nếu không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung
 - 1.1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- 1.2. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
- 1.3. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- 1.4. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính;
- 1.5. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;
- 1.6. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
- 1.7. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
- 1.8. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- 1.9. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp luật;
- 1.10. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 52, 53, 101 và 104 của Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính;
- 1.11. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế về đăng ký lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;
- 1.12. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ đối với cổ đông

- 2.1. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
- 2.2. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- 2.3. Không được thực hiện các hành vi sau:
 - Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);
 - Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ

đồng;

- Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
- Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
- Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng

- 3.1. Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
- 3.2. Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
- 3.3. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
- 3.4. Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
- 3.5. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;
- 3.6. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- 3.7. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;

- 3.8. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- 3.9. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- 3.10. Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
 - Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - + Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - + Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty

- 1.1. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- 1.2. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- 1.3. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- 1.4. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- 1.5. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
- 1.6. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
- 1.7. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;

- 1.8. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
 - 1.9. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;
 - 1.10. Quy định cấm và hạn chế khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán
- 2.1. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty chứng khoán Thành Công;
 - 2.2. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - 2.3. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết, trừ trường hợp tổ chức này là Công ty;
 - 2.4. Người hành nghề chứng khoán chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;
 - 2.5. Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty và thực hiện với tư cách Công ty. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.
3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát
- 3.1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác tại Việt Nam.
 - 3.2. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác tại Việt Nam.
4. Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc Công ty, Giám đốc chi nhánh (nếu có):
- 4.1. Tổng Giám đốc Công ty, Giám đốc chi nhánh không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.
 - 4.2. Tổng Giám đốc Công ty không được là thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

Điều 10. Các quy định về kiểm soát nội bộ

1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty.
2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ hệ thống kiểm soát nội bộ.
3. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ.
4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 11. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty. Công ty phải xây dựng nội quy của Công ty, chi tiết hóa nội dung của bộ qui tắc đạo đức nghề nghiệp này.
2. Mọi cán bộ, nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc Công ty.
3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Công ty.

CHƯƠNG III.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY

Điều 12. Vốn điều lệ

Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Công ty là 360.000.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi tỷ đồng), được chia thành 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) cổ phần phổ thông.

Điều 13. Cách thức tăng, giảm Vốn điều lệ

1. Việc tăng, giảm Vốn điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với quy định Pháp luật.
2. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của UBCKNN khi:
 - 2.1. Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh; hoặc
 - 2.2. Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và không huy động được vốn từ các nguồn bên ngoài.

3. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:
 - 3.1. Phát hành Cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của Pháp luật;
 - 3.2. Chuyển đổi Trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
 - 3.3. Thực hiện trả Cổ tức bằng Cổ phiếu;
 - 3.4. Đăng ký nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng Vốn điều lệ.
 - 3.5. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật;
4. Việc giảm Vốn điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

Điều 14. Cổ đông sáng lập của Công ty

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công (Xem Phụ lục 1).

Điều 15. Hạn chế đối với quyền cổ đông sáng lập và Cổ đông của Công ty

1. Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, cổ đông sáng lập chỉ có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Cổ đông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cũng phải tuân thủ các hạn chế tại Điều này.
2. Cổ đông khác được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 16. Cơ cấu góp vốn

Số Cổ phần của Cổ đông sáng lập, loại Cổ phần, mệnh giá Cổ phần và tổng số Cổ phần chào bán của từng loại được quy định tại sổ đăng ký Cổ đông.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - 1.1. Quyền biểu quyết
 - Tham dự và biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Quyền biểu quyết có thể được thực hiện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Đại diện được ủy quyền được phép hành động nhân danh cổ đông đưa ra các quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty không được ngăn cản cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có yêu cầu. Mọi cá nhân đều có thể là người đại diện, miễn là được ủy quyền hợp lệ và không thuộc trường hợp pháp luật có quy định hạn chế. Việc

ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và không cần phải công chứng.

- Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua Internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- Cổ phần phổ thông không có quyền biểu quyết trong một số trường hợp sau:
 - + Không thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần;
 - + Cổ phiếu quỹ;
 - + Thông qua giao dịch với các bên có liên quan: nếu cổ phần phổ thông do cổ đông là người có liên quan của Công ty sở hữu, cổ đông sẽ không có quyền biểu quyết thông qua các giao dịch của Công ty với bên liên quan mà cổ đông là một bên trực tiếp hoặc gián tiếp có lợi ích trong đó;
 - + Cổ phần có được do vi phạm các quy định về mua cổ phiếu trong các giao dịch nắm quyền kiểm soát, vi phạm các quy định bắt buộc về chào mua công khai;
 - + Cổ phần do công ty con nắm giữ: khi một công ty con trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ cổ phần của công ty mẹ;
 - + Khi Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề như hủy bỏ, giảm bớt các nghĩa vụ của cổ đông đối với Công ty; khởi xướng hoặc hủy bỏ một vụ kiện đối với cổ đông; cổ đông liên quan không có quyền biểu quyết để quyết định các vấn đề này.
- Bất kỳ thay đổi nào về quyền biểu quyết phải được các cổ đông sở hữu loại cổ phần bị ảnh hưởng bất lợi bởi sự thay đổi đó biểu quyết thông qua.

1.2. Quyền được nhận cổ tức

Mức chi trả cổ tức, hình thức trả cổ tức cho cổ đông do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng mức chi trả cổ tức không được cao hơn mức mà Hội đồng quản trị kiến nghị.

1.3. Quyền được ưu tiên mua chứng khoán

- Cổ đông có quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán hoặc chứng khoán chuyển đổi trước khi Công ty chào bán cho bên thứ ba. Quyền được ưu tiên mua tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông đang sở hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua chứng khoán của mình

cho người khác hoặc có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần quyền được ưu tiên mua chứng khoán.

1.4. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần

Trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ đông phổ thông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình tại bất kỳ thời điểm nào với bất kỳ mức giá nào mà không cần có sự chấp thuận của cơ quan quản lý, Công ty hoặc các cổ đông khác.

1.5. Quyền được nhận các thông tin về Công ty và quyền xem xét, tra cứu danh sách cổ đông

- Tất cả cổ đông của Công ty đều có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trường hợp cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ đông có quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và bất thường về hoạt động của Công ty theo quy chế quản trị áp dụng cho công ty niêm yết.
- Cổ đông phải tuân thủ quy định nội bộ của Công ty về thủ tục cung cấp thông tin và tài liệu như sau: Công ty cung cấp tài liệu cho cổ đông kiểm tra tại trụ sở trong vòng ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông. Cổ đông phải thanh toán cho Công ty chi phí sao chụp tài liệu.

1.6. Quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

- Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông, cổ đông có quyền đề nghị Công ty không thực hiện các nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.
- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - + Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - + Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

1.7. Quyền được nhận tài sản khi thanh lý Công ty

- Nếu Công ty giải thể hoặc phá sản, cổ đông có quyền được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán đầy đủ cho các chủ nợ.
 - Thứ tự thanh toán các khoản nợ và phân chia tài sản còn lại cho các cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 1.8. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền phù hợp quy định pháp luật, khi đó phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp, cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Đại diện theo ủy quyền tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.
- 1.9. Quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần
- Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại toàn bộ hoặc một phần cổ phần của mình nếu cổ đông biểu quyết phản đối hoặc từ chối biểu quyết quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề: thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty hoặc tổ chức lại Công ty.
 - Yêu cầu mua lại cổ phần phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng từng loại cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu này phải được gửi đến Công ty trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
 - Hội đồng quản trị xác định mức giá mua lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn. Quyết định của tổ chức định giá sẽ là quyết định cuối cùng.
 - Thời hạn mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 1.10. Quyền khởi kiện nhân danh Công ty
- Cổ đông có quyền yêu cầu tòa án hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu quyết định đó trái với quy định của pháp luật hiện hành.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ một phần trăm (1%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:
 - + Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện hoặc

thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- + Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- + Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
- Trường hợp Ban Kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu khởi kiện có quyền trực tiếp khởi kiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục khởi kiện được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

1.11. Các quyền khác theo qui định của Pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

- 2.1. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- 2.2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
- 2.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong những trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- 2.4. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; và
- 2.5. Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

3. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau

- 3.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Nếu có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Người đại diện theo

pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

- 3.2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- 3.3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 3.4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để thực hiện các hành vi sau:
 - Vi phạm Pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;
4. Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty thì cổ đông đó và người có liên quan không được sở hữu trên năm phần trăm (5%) cổ phần hoặc phần vốn góp của một công ty chứng khoán khác. Không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác.
5. Các nghĩa vụ khác
 - 5.1. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - 5.2. Cổ đông lớn phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Công ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 18. Cổ phiếu, Cổ phần, phát hành Cổ phiếu của Công ty

1. Loại cổ phần

Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi.
2. Phát hành cổ phần

Công ty được phát hành Cổ phần và việc phát hành cổ phần trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

Điều 19. Chào bán và chuyển nhượng Cổ phần

1. Chào bán cổ phần

- 1.1. Công ty được chào bán Cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán Cổ phiếu ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán;
- 1.2. Công ty phải đăng ký với UBCKNN khi thực hiện chào bán Cổ phiếu ra công chúng;
- 1.3. Phương thức, thủ tục chào bán Cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

2. Chuyển nhượng Cổ phần

- 2.1. Các Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp sau:
 - Cổ phần ưu đãi biểu quyết.
 - Cổ phần phổ thông của các Cổ đông sáng lập và Tổng Giám Đốc Công ty quy định tại khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này.
 - Các trường hợp khác phù hợp với quy định Pháp luật.
 - Việc chuyển nhượng Cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay Cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.
- 2.2. Giao dịch chuyển nhượng cổ phần để trở thành cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCKNN chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của tòa án.

Điều 20. Mua lại phần cổ phần

1. Mua lại theo yêu cầu của Cổ đông

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu Cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định về việc tổ chức lại Công ty của Đại hội đồng cổ đông hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu mua lại cổ phần phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Mua lại theo quyết định của Công ty

Công ty có thể mua lại cổ phiếu đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) để làm cổ phiếu quỹ. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua cổ phiếu quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại

Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 22. Phát hành Trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành Trái phiếu, Trái phiếu chuyển đổi và các loại Trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật.
2. Hội đồng quản trị của Công ty có quyền quyết định loại Trái phiếu, tổng giá trị Trái phiếu, và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
3. Trường hợp không được quyền phát hành Trái phiếu:
 - 3.1. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của Trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đó; và
 - 3.2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba (03) năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho Trái phiếu định phát hành.

Điều 23. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và có thể được lưu giữ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký phần vốn cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện. Trường hợp có sự khác biệt giữa dữ liệu trên sổ đăng ký lưu giữ tại Công ty với dữ liệu đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thì dữ liệu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán lưu trữ sẽ có hiệu lực.

Điều 24. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu mà không phải trả cho Công ty bất kỳ một khoản phí nào.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một phần trong số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được Công ty cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị tẩy xóa, hỏng hoặc mất, người sở hữu cổ phiếu ghi danh có thể yêu cầu Công ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu nhưng sẽ phải thanh toán mọi chi phí liên quan.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ. Công ty không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

CHƯƠNG IV

QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 25. Bộ máy quản trị điều hành Công ty

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát

- Tổng Giám Đốc

Điều 26. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông
 - 2.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - 2.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - 2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - 2.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 2.5. Quyết định việc tăng giảm Vốn điều lệ của Công ty;
 - 2.6. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;
 - 2.7. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - 2.8. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại, đối với cổ phần phổ thông Công ty chỉ được mua lại không quá 10%;
 - 2.9. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty;
 - 2.10. Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty; và
 - 2.11. Quyết định mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
3. Các đại diện được ủy quyền
 - 3.1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba (03) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít hơn mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông thì chỉ có thể ủy quyền cho một (01) người khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - 3.2. Trường hợp cổ đông cử hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3.3. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty. Nội dung và thời hạn thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

4.1. Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp

- Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một (01) lần hoặc họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn tối đa là bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức họp được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo UBCKNN và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo.

4.2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

4.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp luật;
- Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này;
- Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

4.4. Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định của pháp luật. Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thì Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty, đồng thời cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- 5.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- Báo cáo tài chính hàng năm;
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
 - Báo cáo kế hoạch kinh doanh hàng năm và thù lao của thành viên Hội đồng Quản Trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - Mức Cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 5.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.
 - Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp;
 - Xác định thời gian và địa điểm cuộc họp;
 - Thông báo cho tất cả các Cổ đông về cuộc họp và gửi thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin cơ bản về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- 5.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất này trong các trường hợp sau:
- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn;
 - Cổ đông và nhóm cổ đông không nắm giữ đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này;
 - Vấn đề, nội dung đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

6. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 6.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, có mặt

trực tiếp, theo giấy ủy quyền hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hợp lệ của họ.

- 6.2. Trường hợp số đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 6.1 Điều này không có mặt trong vòng ba mươi (30) phút, thì cuộc họp đó sẽ được hoãn lại đến cùng thời gian và địa điểm vào cùng ngày của tuần tiếp theo, hoặc vào một ngày khác hoặc thời gian khác mà Hội đồng Quản trị có thể quyết định nhưng phải trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 6.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại mục 6.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp.
- 6.4. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 140 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều này thì được phép ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 7.1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông, bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
- 7.2. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình.
- 7.3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu

thẻ biểu quyết tán thành, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

- 7.4. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký dự họp và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Chủ tọa không có nghĩa vụ dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
- 7.5. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - Chủ tọa cử một người làm Thư ký, lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu (gồm 03 người) theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- 7.6. Chủ tọa và Thư ký của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 7.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp kiểm tra an ninh hoặc phục tùng các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 7.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác (thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc

cuộc họp) hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, gây nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bị hoãn hoặc tạm dừng trái với quy định nêu tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp. Hiệu lực của các biểu quyết tại cuộc họp không bị ảnh hưởng bởi sự kiện này.

8. Bầu dòn phiếu

8.1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và dòn phiếu bầu cho người họ đề cử.

8.2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và một (01) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng quản trị và hai (02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên Hội đồng quản trị và ba (03) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên Hội đồng quản trị và bốn (04) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên Hội đồng quản trị và năm (05) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên Hội đồng quản trị và sáu (06) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên Hội đồng quản trị và bảy (07) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên Hội đồng quản trị và tám (08) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát.
- 8.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.
- 8.4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
9. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- 9.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Tất cả các quyết định về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được chấp thuận bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản.
- 9.2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Đối với các quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; bán trên ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự cuộc họp chấp thuận.
- 9.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 9.4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định.

- 9.5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất cứ lúc nào để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Nội dung phiếu lấy ý kiến, cách thức, thủ tục gửi, nhận phiếu, kiểm phiếu, ghi biên bản phải tuân thủ quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
 - 9.6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
10. Hiệu lực quyết định của Đại hội đồng cổ đông
 - 10.1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết.
 - 10.2. Trường hợp quyết định đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.
 11. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
 - 11.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản với đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản được viết bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau.
 - 11.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
 - 11.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi Biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
 - 11.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 27. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị
 - 2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - 2.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 2.3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - 2.4. Quyết định giá chào bán cổ phần và Trái phiếu của Công ty;
 - 2.5. Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;
 - 2.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;
 - 2.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, thầu, vay và cho vay và hợp đồng khác, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan quy định tại khoản 1 Điều 35 của Điều lệ này. Giá trị cụ thể của loại hợp đồng cần được Hội đồng quản trị thông qua sẽ được Hội đồng quản trị quyết định theo từng thời điểm bằng văn bản;
 - 2.8. Thông qua các giao dịch (hay một chuỗi các giao dịch có liên quan), hợp đồng, hoặc giao dịch chứng khoán mà Công ty là một bên (tự doanh chứng khoán). Giá trị cụ thể của loại hợp đồng cần được Hội đồng quản trị thông qua sẽ được Hội đồng quản trị quyết định theo từng thời điểm bằng văn bản;
 - 2.9. Ký kết, sửa đổi hoặc tham gia hoặc thực hiện bất kỳ giao dịch hay hợp đồng nào không dựa trên cơ sở điều kiện thị trường và không trong phạm vi hoạt động bình thường của Công ty;

- 2.10. Thông qua và/hoặc thay đổi người có thẩm quyền ký và giới hạn ký của bất kỳ thành viên Hội đồng nào của Công ty liên quan đến các tài khoản của Công ty;
- 2.11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc chi nhánh, và Giám đốc tài chính; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- 2.12. Giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- 2.13. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- 2.14. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- 2.15. Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- 2.16. Kiến nghị mức Cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả Cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- 2.17. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- 2.18. Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- 2.19. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- 2.20. Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

- 2.21. Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);
- 2.22. Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở;
- 2.23. Hội đồng quản trị phải lập tức thông báo cho cổ đông trong những trường hợp sau đây:
 - Công ty hoặc Ban lãnh đạo của Công ty bị nghi ngờ có liên quan đến các hoạt động phi pháp.
 - Tình trạng tài chính của Công ty tiếp tục suy giảm và không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật.
 - Công ty kinh doanh bị thua lỗ từ 50% trên vốn chủ sở hữu.
 - Công ty đề xuất thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát.
 - Xảy ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khách hàng.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc qua thư điện tử. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.
5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
6. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, các cổ đông hoặc Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Công ty phải lập tức hủy bỏ nghị quyết và các quyết định có liên quan.
7. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

7.1. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

- Quyền được cung cấp thông tin:
 - + Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
 - + Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác.

7.2. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

- 8.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 8.2. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;

- 8.3. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác (đối với công ty niêm yết).
- 8.4. Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
- 8.5. Không đề cử vào Hội đồng quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng hai (02) năm qua.
- 8.6. Các thành viên Hội đồng quản trị cần có những phẩm chất và năng lực sau đây:
 - Nhận được sự tin tưởng của các cổ đông (phản ánh qua việc các cổ đông biểu quyết ủng hộ), các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty;
 - Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để điều hành hoạt động Công ty một cách hiệu quả;
 - Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
 - Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.
- 8.7. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

9. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- 9.1. Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra.
- 9.2. Số thành viên Hội đồng quản trị từ 3 đến 11 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 65 đến 70 tuổi trở lên

không vượt quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- 9.3. Việc bầu các thành viên của Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu. Trường hợp các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác có thể đề cử thêm ứng cử viên vào Hội đồng quản trị hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, cổ đông khác đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 8 Điều này.
- 9.4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
- 9.5. Thông tin về những người được đề cử vào Hội đồng quản trị phải được công bố trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông, gồm có: danh tính của ứng viên; danh tính của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó; độ tuổi và trình độ học vấn của ứng viên; kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của ứng viên; những vị trí công tác mà ứng viên đảm nhiệm trong vòng năm (05) năm qua; những vị trí công tác mà ứng viên đang đảm nhiệm; báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp ứng viên đó được tái bổ nhiệm; bản chất mối quan hệ của ứng viên với Công ty; các vị trí trong Hội đồng quản trị hoặc các vị trí chủ chốt khác mà ứng viên nắm giữ, được đề cử tại các công ty khác; quan hệ của ứng viên với người có liên quan trong Công ty; quan hệ của ứng viên với đối tác kinh doanh chính của Công ty; những thông tin liên quan đến tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới nhiệm vụ, tính độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị; việc ứng viên từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của Công ty (nếu có).
- 9.6. Trường hợp Hội đồng quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng quản trị mới, Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

10. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 10.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị.
- 10.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc, trừ khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên.
- 10.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Lên lịch họp Hội đồng quản trị và các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình nghị sự cho các cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc;
 - Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
 - Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.

10.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được hoặc vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị bị trống thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên, tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

11. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

11.1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, ít nhất mỗi quý một lần.

11.2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 75% tổng số thành viên tham dự. Trường hợp không có đủ số thành viên dự họp theo quy định trên trong vòng 30 phút kể từ thời gian dự kiến họp, thì cuộc họp sẽ được triệu tập lần thứ hai trong vòng 15 ngày, kể từ ngày dự kiến họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có từ 51% số thành viên dự họp. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được 51% số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể bao gồm cuộc hội nghị giữa các thành viên Hội đồng Quản trị không ở cùng một nơi, nhưng mỗi thành viên có thể trực tiếp hoặc thông qua điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc điện tử khác để liên lạc đồng thời với từng thành viên khác. Việc tham dự đó cũng được coi là có mặt trực tiếp. Các vấn đề được giải quyết trong các cuộc họp như vậy sẽ phải được xác nhận bằng cách các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp ký vào biên bản cuộc họp đó. Các biên bản cuộc họp đã được ký sẽ được gửi đến và nhận bởi Công ty trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày cuộc họp được tổ chức qua điện thoại hoặc vi-đê-ô.

11.3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh và tất cả các biên bản họp sẽ được làm bằng tiếng Việt và tiếng Anh và có giá trị pháp lý ngang nhau. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được lập biên bản và tất cả thành viên dự họp phải ký vào biên bản họp. Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp. Biên bản phải có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp.

- 11.4. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong nhiệm kỳ mới thì cuộc họp đầu tiên để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
- 11.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày trong các trường hợp sau đây:
- Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát;
 - Nhận được đề nghị của Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 11.6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 11.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Cách thức gửi thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 11.8. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- 12.1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ:
- Thành viên Hội đồng quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 8 Điều này;
 - Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn xin từ chức;
 - Bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm.
- 12.2. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị. Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

13. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

- 13.1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là Tổng Giám đốc, kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 13.2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty. Quy định cụ thể theo Thông tư quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- 13.3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành giống với nhiệm kỳ của các thành viên khác nhưng không được bổ nhiệm lại trong nhiệm kỳ tiếp theo.
- 13.4. Thành viên độc lập có các nhiệm vụ và quyền hạn giống các thành viên Hội đồng quản trị khác, ngoài ra còn có các quyền hạn sau:
- Đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề xuất với Ban Kiểm soát tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị phản đối đề nghị này;
 - Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và người quản lý Công ty;
 - Đưa ra các ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết.

14. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

- 14.1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:
- Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
 - Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con (nếu có);
- 14.2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:
- Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
 - Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- 14.3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:
- Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
 - Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

- Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Điều 28. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc

- 1.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 1.2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc là không quá ba (03) năm. Nhiệm kỳ cụ thể sẽ được quy định trong quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động; Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong suốt nhiệm kỳ của mình, Tổng Giám đốc sẽ thường trú tại Việt Nam.

2. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám Đốc.

- 2.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;
- 2.2. Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;
- 2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- 2.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- 2.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 2.6. Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch, Hội đồng quản trị. Tất cả các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị Năm Mươi Ngàn Đô La Mỹ (50.000 USD) hoặc nhiều hơn được Công ty ký kết sẽ được Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng cùng nhau ký;
- 2.7. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
- 2.8. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- 2.9. Tuyển dụng lao động;
 - 2.10. Chuẩn bị các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh và dự kiến ngân sách hàng năm của Công ty để đề xuất lên Hội đồng Quản trị để thông qua;
 - 2.11. Báo cáo việc thực hiện các công việc trong việc so sánh với các mục tiêu của Công ty lên Hội đồng quản trị một cách thường xuyên, cũng như giải thích và đưa ra những phương án giải quyết khi có những bất đồng cơ bản hoặc giao dịch bất thường;
 - 2.12. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ này, hợp đồng lao động mà Tổng Giám Đốc ký với Công ty theo quyết định Hội đồng quản trị.
3. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Tổng Giám đốc có nghĩa vụ và quyền lợi sau đây:
- 3.1. Nghĩa vụ của Tổng Giám đốc
 - Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
 - Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
 - Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - 3.2. Quyền lợi của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc
- 4.1. Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật;

- 4.2. Không phải là người có liên quan của Người quản lý, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo uỷ quyền;
- 4.3. Sở hữu ít nhất năm phần trăm (05%) số cổ phần phổ thông của Công ty hoặc có thâm niên công tác ít nhất ba (03) năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán; và có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm quản lý điều hành.
- 4.4. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
- 4.5. Không bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng hai (02) năm gần nhất;
- 4.6. Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác;
- 4.7. Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám Đốc hoặc Tổng Giám Đốc, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp, bị tuyên bố phá sản trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng;
- 4.8. Chưa từng là người đại diện theo pháp luật của một doanh nghiệp phá sản, trừ trường hợp phá sản vì lý do bất khả kháng;
- 4.9. Các tiêu chuẩn khác theo luật về chứng khoán.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám Đốc

Tổng Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc theo quy định tại khoản 4 Điều này;
- Có đơn xin từ chức; Hội đồng quản trị bãi nhiệm.

6. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Tổng Giám đốc

- 6.1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
 - Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên

công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- Tách biệt tài sản của khách hàng;
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

6.2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

- Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
- Yêu cầu khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

6.3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:

- Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
- Xác định rủi ro của Công ty;
- Đo lường rủi ro;
- Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

7. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm thư ký Công ty. Nhiệm vụ, nghĩa vụ quyền lợi của thư ký Công ty theo quy định pháp luật.

Điều 29. Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - 1.1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Chủ tịch, Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
 - 1.2. Việc bầu các thành viên của Ban Kiểm soát được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.
 - 1.3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.
 - 1.4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
 - 1.5. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Việc bầu chọn thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện trên nguyên tắc bầu dồn phiếu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 8 Điều 26 Điều lệ này có quyền đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.
 - 1.6. Trưởng Ban kiểm soát sẽ do Ban kiểm soát bầu ra.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát
 - 2.1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
 - 2.2. Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Chủ tịch, Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.3. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
 - 2.4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu

cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;

- 2.5. Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 2.6. Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.
- 2.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- 2.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, điều chỉnh hành vi vi phạm đúng thời hạn theo yêu cầu, Ban kiểm soát phải đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để đề xuất biện pháp giải quyết tiếp theo;
- 2.9. Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc của Công ty vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên UBCKNN bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;
- 2.10. Trường hợp kiểm soát viên biết rằng các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định của pháp luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, vì thế xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty nhưng không thực hiện thông báo, thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định thì kiểm soát viên đó phải chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình;
- 2.11. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Quyền của Ban Kiểm soát

- 3.1. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- 3.2. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- 3.3. Được cung cấp đầy đủ thông tin
 - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc để thực thi nhiệm vụ của mình;
 - Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
- 3.4. Được nhận thù lao và hưởng các lợi ích khác.

4. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Ban Kiểm soát phải có nghĩa vụ sau đây:

- 4.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- 4.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- 4.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
- 4.4. Các nghĩa vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

5. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban

Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Nếu phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

7.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

7.2. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, của Tổng Giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên và Người quản lý khác;

7.3. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

7.4. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;

7.5. Ít nhất có một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên;

8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

8.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 7 Điều này;
- Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Có đơn xin từ chức;
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8.2. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

9. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát

9.1. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát sẽ được tiến hành khi có hai (02) thành viên tham dự. Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất một quý một lần.

- 9.2. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát có thể bao gồm cuộc họp giữa các thành viên Ban Kiểm Soát không ở cùng một nơi, nhưng mỗi thành viên có thể trực tiếp hoặc thông qua điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc điện tử khác để liên lạc đồng thời với từng thành viên khác. Việc tham dự đó cũng được coi là có mặt trực tiếp. Các vấn đề được giải quyết trong các cuộc họp như vậy sẽ phải được xác nhận bằng cách các thành viên Ban Kiểm Soát tham dự cuộc họp ký vào biên bản cuộc họp đó. Các biên bản cuộc họp đã được ký sẽ được gửi đến và nhận bởi Công ty trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày cuộc họp được tổ chức qua điện thoại hoặc vi-đê-ô.
- 9.3. Các cuộc họp của Ban Kiểm Soát sẽ được thực hiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh và tất cả các biên bản họp sẽ được làm bằng tiếng Việt và tiếng Anh và có giá trị pháp lý ngang nhau.

CHƯƠNG V

THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - 2.1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - 2.2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - 2.3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 31. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

CHƯƠNG VI

XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

Điều 33. Các tranh chấp có thể xảy ra

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:
 - 1.1. Cổ đông với Công ty;
 - 1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay người quản lý quy định tại Điều lệ công ty;
 - 1.3. Khách hàng hoặc các đối tác liên quan khác với Công ty.
2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 34. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thương lượng và hoà giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản

trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Chi phí thương lượng, hoà giải và chi phí của Tòa án:
 - 3.1. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải;
 - 3.2. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 35. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - 1.1. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của Cổ đông sở hữu hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - 1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - 1.3. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

Điều 36. Bỏ phiếu biểu quyết thực hiện hợp đồng giao dịch với bên liên quan

1. Khi thực hiện bỏ phiếu quyết định thực hiện các giao dịch có liên quan, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có liên quan đến các giao dịch đó sẽ không được tham gia bỏ phiếu.
2. Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VII

NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 37. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày khai trương hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 38. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê;
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và tiếng Anh và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty;

Điều 39. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét.
2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCKNN chấp thuận và do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị. Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo năm tài chính đầu tiên sẽ do Hội đồng quản trị chỉ định.

- 3 Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính năm, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị cùng với thư quản lý trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 4 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 40. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin
 - 1.1. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo.
 - 1.2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.
2. Nội dung công bố thông tin
 - 2.1. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:
 - Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm kèm theo báo cáo của tổ chức kiểm toán;
 - Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo luật định;
 - Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
 - 2.2. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.
3. Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:

- 3.1. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - 3.2. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - 3.3. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.
4. Việc công bố thông tin phải do Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

CHƯƠNG VIII

NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 41. Điều khoản chia lợi nhuận

1. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định về tỷ lệ, hình thức phân chia lợi nhuận và chia thưởng theo quy định của pháp luật. Mức chi trả cổ tức không được vượt quá mức đề xuất của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
4. Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức, thưởng theo phương án của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Còn tùy thuộc vào quy định của Pháp luật, lỗ năm trước sẽ được mang sang năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 43. Trích lập các Quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
 - 1.1. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% mức Vốn điều lệ;

- 1.2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% Vốn điều lệ;
 - 1.3. Quỹ dự phòng giảm giá chứng khoán;
 - 1.4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - 1.5. Các quỹ khác theo quy định của Pháp luật.
2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ này thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG IX

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 44. Tổ chức lại Công ty

Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 45. Giải thể và thanh lý

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - 1.1. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể Công ty trước thời hạn. Trường hợp Công ty giải thể trước thời hạn hoạt động phải được UBCKNN chấp thuận;
 - 1.2. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 1.3. UBCKNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố giải thể.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp mất khả năng thanh toán, Công ty phải thực hiện giải thể theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.
3. Hội đồng Quản trị Công ty thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể, có sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng Quản trị công ty và Pháp luật.

Điều 46. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG X

THỂ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định và chấp thuận.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những Điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 48. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 11 Chương 48 Điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần chứng khoán Thành Công nhất trí thông qua ngày 11 tháng 07 năm 2009 tại Thành phố Hồ Chí Minh và được Đại hội đồng cổ đông thống nhất sửa đổi và thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2018.
2. Điều lệ này được lập thành hai (02) bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị ngang nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Đại diện theo pháp luật của công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công



Tên: **NGUYỄN DÔNG HẢI**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị



Tên: **TRỊNH TẤN LỰC**

Chức vụ: Đại diện theo Pháp luật của TCSC

PHỤ LỤC 1:
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOẢN THÀNH CÔNG

STT	Họ và tên/ Tên công ty	Số CMND/Số hộ chiếu/Giấy đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần	Số vốn góp (Triệu đồng VN)	Tỷ lệ góp vốn
1.	Công ty cổ phần Dệt may Đầu tư – Thương mại Thành Công	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 23/05/2007 tại TP.Hồ chí Minh	3.500.000	35.000	9,72%
2.	Công ty TNHH Ngọc Phong	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5002000041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 12/02/2001 tại Long An	1.000.000	10.000	2,78%
3.	Bà Lê Thị Kiều Phương	Số CMTND: 023681017, cấp ngày 01/12/1998 tại TP.Hồ Chí Minh. Hộ khẩu thường trú: Số 3 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.Hồ chí Minh. Nơi ở hiện tại: Số 3 Cộng Hoà, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0903360044.	1.500.000	15.000	4,17%
4.	Ông Đặng Triệu Hòa.	Số CMTND: 023323686 cấp ngày 25/12/2006 tại TP.Hồ Chí Minh. Hộ khẩu thường trú: A30 Khu Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: A30 Khu Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0903906888.	600.000	6.000	1,67%
5.	Ông Trần Ái Trung	Số CMTND: 023004810, cấp ngày 29/07/2003 tại TP.Hồ Chí Minh. Hộ khẩu thường trú: 21/6i Quốc lộ 13, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: 21/6i Quốc lộ 13, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0983441959	750.000	7.500	2,08%
6.	Ông Đoàn Quang Sang	Số CMTND: 023946039 cấp ngày 10/08/2001 tại TP.Hồ Chí Minh. Hộ khẩu thường trú: 650/4/30A Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: 650/4/30A Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP Hồ Chí Minh.	1.250.000	12.500	3,47%

		Điện thoại: 0903815956.			
7.	Ông Chung Văn Đạt.	Số CMTND: 021558691 cấp ngày 15/12/2008 tại TP.Hồ Chí Minh. Hộ khẩu thường trú: 16 Tân Sinh, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: 16 Tân Sinh, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0903914408.	1.500.000	15.000	4,17%